

**Bảng 1**  
**BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020  
của Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC</b>	<b>60</b>	
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>11</b>	
<b>1.1</b>	<b>Có văn bản triển khai Kế hoạch CCHC năm do cơ quan cấp trên ban hành</b>	<b>1</b>	
	<i>Có văn bản triển khai: 1điểm</i>		
	<i>Không có văn bản triển khai: 0 điểm</i>		
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện công tác báo cáo CCHC</b>	<b>3</b>	
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ	1	
	<i>Đúng số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1 điểm</i>		
	<i>Mỗi báo cáo không đảm bảo về nội dung, thời gian: trừ 0.25điểm</i>		
1.2.2	Báo cáo đột xuất CCHC	1.5	
	<i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1.5 điểm</i>		
	<i>Thiếu 1 báo cáo: 0.5 điểm</i>		
	<i>Thiếu 2 báo cáo: 0 điểm</i>		
1.2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chi số CCHC	0.5	
	<i>Điểm tự chấm lệch từ 3% trở xuống so với kết quả thẩm định: 0.5 điểm</i>		
	<i>Điểm tự chấm lệch trên 3% nhỏ hơn 5% so với kết quả thẩm định: 0.25 điểm</i>		
	<i>Điểm tự chấm lệch trên 5% so với kết quả thẩm định: 0 điểm</i>		
<b>1.3</b>	<b>Thực hiện nghiêm túc văn hóa công sở</b>	<b>3</b>	
1.3.1	Thực hiện nghiêm túc các nội dung liên quan đến văn hóa công sở	2	
	<i>Đơn vị được Đoàn kiểm tra phản ánh thực hiện chưa nghiêm các nội dung liên quan đến văn hóa công sở: 0 điểm</i>		
1.3.2	Khắc phục các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	
	<i>Báo cáo khắc phục các vấn đề được Đoàn kiểm tra phản ánh gửi về Đoàn kiểm tra đúng thời gian quy định (theo Thông báo Kết luận của Đoàn kiểm tra): 1 điểm</i>		
	<i>Báo cáo khắc phục các vấn đề được Đoàn kiểm tra phản ánh gửi về Đoàn kiểm tra không đúng thời gian quy định (theo Thông báo Kết luận của Đoàn kiểm tra): 0 điểm</i>		
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>1</b>	
	<i>Có ban hành văn bản tuyên truyền Kế hoạch tuyên truyền CCHC do cấp trên ban hành: 1điểm</i>		

	<i>Không có văn bản tuyên truyền Kế hoạch tuyên truyền CCHC do cấp trên ban hành: 0 điểm</i>		
<b>1.5</b>	<b>Mô hình mới, sáng kiến hay trong Cải cách hành chính</b>	<b>3</b>	
1.5.1	Có mô hình mới, sáng kiến về CCHC trong năm được Hội đồng sáng kiến cấp trên công nhận: 1 điểm	1	
	<i>Không có mô hình mới, sáng kiến về CCHC: 0 điểm</i>		
1.5.2	Tham dự tập huấn về công tác CCHC	2	
	<i>Tham gia đầy đủ và đúng số lượng: 1 điểm (vắng 1 lần không lý do hoặc thiếu 1 chỉ tiêu trừ 0.5 điểm)</i>		
	<i>Tham dự đúng thành phần: 1 điểm (mỗi trường hợp dự không đúng thành phần trừ 0.5 điểm)</i>		
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>5</b>	
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>1.5</b>	
2.1.1	<i>Xây dựng VBQPPL trong năm theo quy định</i>	1	
	Đảm bảo 100% văn bản ban hành đúng quy định pháp luật: 1 điểm		
	Từ 75% - dưới 100% văn bản ban hành đúng quy định pháp luật: 0.5 điểm		
	Từ 50% - dưới 75% văn bản ban hành đúng quy định pháp luật: 0.25 điểm		
	Dưới 50% văn bản: 0 điểm		
2.1.2	<i>Gửi văn bản QPPL về Phòng Tư pháp kiểm tra theo quy định</i>	0.5	
	Gửi 100% văn bản đúng thời gian quy định: 0.5 điểm		
	Gửi văn bản trễ thời gian quy định: 0 điểm		
<b>2.2</b>	<b>Theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý xử lý vi phạm hành chính</b>	<b>1.5</b>	
2.2.1	<i>Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Kế hoạch quản lý xử lý vi phạm hành chính</i>	0.5	
	Có ban hành Kế hoạch đúng thời gian quy định: 0.5 điểm		
	Có ban hành Kế hoạch trễ thời gian quy định: 0.25 điểm		
	Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm		
2.2.2	<i>Báo cáo công tác TDTHPL và quản lý nhà nước về XLVPHC</i>	0.5	
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5 điểm		
	Báo cáo đúng nội dung nhưng không đúng thời gian theo quy định: 0.25 điểm		
	Báo cáo không đúng nội dung nhưng đúng thời gian theo quy định: 0.25 điểm		
	Không báo cáo: 0 điểm		
2.2.3	<i>Tình hình quản lý xử lý vi phạm hành chính</i>	0.5	
	100% hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đúng quy định: 0.5 điểm		
	Từ 85% - dưới 100% hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đúng quy định: 0.25 điểm		
	Dưới 85% hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đúng quy định: 0 điểm		
<b>2.3</b>	<b>Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</b>	<b>1</b>	
2.3.1	<i>Thực hiện công tác báo cáo về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</i>	0.5	
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5 điểm		

	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm		
2.3.2	<i>Công bố Danh mục văn bản còn hiệu lực, hết hiệu lực</i>	0.5	
	Công bố đầy đủ, đúng thời gian quy định: 0.5 điểm		
	Công bố không đầy đủ hoặc không đúng thời gian quy định: 0 điểm		
<b>2.4</b>	<b>Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>1</b>	
2.4.1	<i>Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL</i>	0.5	
	Có ban hành Kế hoạch đúng thời gian quy định: 0.5 điểm		
	Có ban hành Kế hoạch trễ thời gian quy định: 0.25 điểm		
	Không ban hành Kế hoạch: 0 điểm		
2.4.2	<i>Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL</i>	0.5	
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5 điểm		
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm		
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)</b>	<b>6</b>	
<b>3.1</b>	<b>Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC</b>	<b>1</b>	
	Có xây dựng, ban hành Kế hoạch đúng thời gian quy định	1	
	Có xây dựng, ban hành Kế hoạch nhưng chưa đúng thời gian quy định	0.5	
	Không xây dựng, ban hành Kế hoạch	0	
<b>3.2</b>	<b>Công khai TTHC</b>	<b>3</b>	
3.2.1	<i>Niêm yết đầy đủ, kịp thời nội dung thông tin TTHC tại nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC</i>	1.5	
	Niêm yết đầy đủ, kịp thời	1.5	
	Có niêm yết nhưng chưa đầy đủ hoặc thiếu kịp thời	0.5	
	Không niêm yết đầy đủ, kịp thời	0	
3.2.2	<i>Đăng tải công khai đầy đủ, kịp thời nội dung thông tin TTHC trên Cổng (hoặc Trang) Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị</i>	1.5	
	Đăng tải công khai đầy đủ, kịp thời	1.5	
	Có đăng tải công khai nhưng chưa đầy đủ hoặc thiếu kịp thời	0.5	
	Không đăng tải công khai đầy đủ, kịp thời	0	
<b>3.3</b>	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và TTHC</b>	<b>1</b>	
	Tổ chức thực hiện tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và TTHC đúng quy định	0.5	
	Xử lý kịp thời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và TTHC	0.5	
<b>3.4</b>	<b>Báo cáo công tác kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>1</b>	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo hàng quý và năm theo quy định	1	
	Thực hiện không đầy đủ hoặc thiếu kịp thời chế độ báo cáo hàng quý và năm theo quy định thì tùy trường hợp tính điểm trừ (thiếu 01 báo cáo trừ 0.5 điểm, trễ hạn một báo cáo trừ 0.25 điểm). Đối với cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá, đơn giản hóa thủ tục hành chính và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định (Thưởng 1 điểm); tổ chức thực hiện tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Thưởng 2 điểm).	Điểm thưởng tối đa bằng điểm chuẩn trừ điểm đạt được của mục 3	

<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>3</b>	
4.1	Có ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng từng công chức, viên chức đúng quy định	1	
	<i>Có Quyết định Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1</i>		
	<i>Thực hiện không đầy đủ theo quy định: 0</i>		
4.2	Ban hành Quy chế làm việc tại đơn vị	2	
	<i>Có ban hành: 2</i>		
	<i>Không ban hành: 0</i>		
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>14</b>	
<b>5.1</b>	<b>Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>	<b>1</b>	
	<i>Có thực hiện: 1</i>		
	<i>Không thực hiện: 0</i>		
<b>5.2</b>	<b>Đơn vị có công chức, viên chức bị kỷ luật</b>	<b>2</b>	
	<i>Không có: 2</i>		
	<i>Xảy ra trừ 1 điểm/ trường hợp:</i>		
<b>5.3</b>	<b>Triển khai tinh thần chiêu sinh và cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng, đúng chỉ tiêu, số lượng theo thông báo của cấp trên.</b>	<b>3</b>	
	<i>Trừ 0,5 điểm cho mỗi lần thực hiện không đúng theo thông báo chiêu sinh của cấp trên và trừ không quá 3 điểm</i>		
<b>5.4</b>	<b>Tỷ lệ cập nhật phần mềm quản lý công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị</b>	<b>3</b>	
	<i>Cập nhật đầy đủ 100%: 3điểm</i>		
	<i>Cập nhật thiếu 01 thông tin trừ 0.25 điểm và trừ không quá 2 điểm</i>		
<b>5.5</b>	<b>Đối tượng cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện và đúng theo quy trình, thủ tục được quy định tại Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 24/02/2014 của UBND tỉnh..</b>	<b>1</b>	
	<i>Công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện và đúng theo quy trình, thủ tục: 1 điểm</i>		
	<i>Trường hợp đối với đơn vị thỏa thuận cử đi đào tạo sau đại học không phù hợp theo tiêu chuẩn, điều kiện quy định và không đúng với quy trình thủ tục đã quy định: 0 điểm</i>		
<b>5.6</b>	<b>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức</b>	<b>4</b>	
5.6.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	2	
	<i>Đúng quy định và gửi về cơ quan phụ trách đúng thời gian quy định: 2 điểm</i>		
	<i>Không đúng quy định và gửi về cơ quan phụ trách không đúng thời gian quy định mỗi trường hợp trừ 01 điểm và trừ không quá 02 điểm</i>		
5.6.2	Thực hiện đúng, đầy đủ quy trình nâng lương thường xuyên, trước hạn, nghỉ hưu, nghỉ việc cho cán bộ, công chức	2	
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian quy định: 02 điểm</i>		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, trễ thời gian quy định mỗi trường hợp trừ 01 điểm và trừ không quá 2 điểm</i>		

<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>4.25</b>	
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>2.25</b>	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	<b>1</b>	
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao: 1 điểm		
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70% - 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức:		
	Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 70% so với kế hoạch được giao: 0 điểm		
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<b>0.5</b>	
	Đạt 100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 0.5 điểm		
	Từ 80% - dưới 100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 0.25 điểm		
	Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0 điểm		
6.1.3	Thực hiện công khai dự toán và gửi báo cáo quyết toán hàng năm	<b>0.25</b>	
	Thực hiện công khai dự toán và gửi báo cáo quyết toán theo đúng quy định: 0.25 điểm		
	Thực hiện công khai dự toán hoặc gửi báo cáo quyết toán không đúng quy định: 0 điểm		
6.1.4	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	<b>0.5</b>	
	100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0.5 điểm		
	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0		
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)</b>	<b>1.5</b>	
6.2.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	<b>0.25</b>	
	Có thêm từ 01 đơn vị trở lên: 0.25 điểm		
	Không có thêm: 0 điểm		
6.2.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	<b>0.25</b>	
	Có thêm từ 01 đơn vị trở lên: 0.25 điểm		
	Không có thêm: 0 điểm		
6.2.3	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính; thực hiện quy định về sử dụng nguồn tài chính, phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	<b>0.5</b>	
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0.5 điểm		
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm		
6.2.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập so với năm trước	<b>0.5</b>	
	Đạt tỷ lệ từ 5% trở lên: 0.5 điểm		
	Đạt tỷ dưới 5% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % giảm chi ngân sách x 0.5)/5%		
<b>6.3</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của địa phương theo Kế hoạch được Hội đồng nhân dân tỉnh giao</b>	<b>0.5</b>	
	Vượt chỉ tiêu từ 5% trở lên: 0.5 điểm		
	Vượt chỉ tiêu từ 2% - dưới 5%: 0.25 điểm		
	Đạt hoặc vượt chỉ tiêu dưới 2%: 0.2 điểm		
	Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0 điểm		
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>9.25</b>	

<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	<b>2.25</b>	
7.1.1	<i>Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT (Ban hành riêng hoặc có thể lồng ghép với các văn bản khác của đơn vị)</i>	0.25	
	Trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch: 0.25 điểm		
	Quý I của năm kế hoạch: 0.1 điểm		
	Không ban hành: 0 điểm		
7.1.2	<i>Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT</i>	0.5	
	Thực hiện 100% kế hoạch: 0.5 điểm		
	Thực hiện từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0.25 điểm		
	Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0.1 điểm		
	Thực hiện dưới 70% kế hoạch: 0 điểm		
7.1.3	<i>Tỷ lệ văn bản đi phát hành qua Phần mềm QLVB</i>	0.5	
	Thực hiện 100%: 0.5 điểm		
	Thực hiện từ 85% - dưới 100%: 0.25 điểm		
	Thực hiện từ 70% - dưới 85%: 0.1 điểm		
	Thực hiện dưới 70%: 0 điểm		
7.1.4	<i>Tỷ lệ văn bản đến phát hành qua Phần mềm QLVB</i>	0.5	
	Thực hiện 100%: 0.5 điểm		
	Thực hiện từ 85% - dưới 100%: 0.25 điểm		
	Thực hiện từ 70% - dưới 85%: 0.1 điểm		
	Thực hiện dưới 70%: 0 điểm		
7.1.5	<i>Sử dụng chữ ký số trong Phần mềm QLVB</i>	0.25	
	Có sử dụng: 0.25 điểm		
	Không sử dụng: 0 điểm		
7.1.6	<i>Tỷ lệ hồ sơ được nhập vào Phần mềm một cửa điện tử (Công Dịch vụ công trực tuyến)</i>	0.25	
	Thực hiện trên 80%: 0.25 điểm		
	Thực hiện từ 65% đến 80%: 0.2 điểm		
	Thực hiện từ 40% đến dưới 65%: 0.1 điểm		
	Dưới 40%: 0 điểm		
<b>7.2</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>3</b>	
7.2.1	<i>Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (Tỷ lệ % thủ tục được cung cấp mức độ 3 trên tổng số thủ tục có phát sinh hồ sơ tại đơn vị)</i>	1	
	Trên 40%: 1 điểm		
	Từ 30% đến dưới 40%: 0.5 điểm		
	Từ 20% đến dưới 30%: 0.25 điểm		
	Dưới 20%: 0 điểm		
7.2.2	<i>Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (Tỷ lệ % thủ tục được cung cấp mức độ 4 trên tổng số thủ tục có phát sinh hồ sơ tại đơn vị)</i>	1	
	Trên 30%: 1 điểm		
	Từ 20% đến dưới 30%: 0.5 điểm		
	Từ 10% đến dưới 20%: 0.25 điểm		
	Dưới 10%: 0 điểm		
7.2.3	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 (Tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được xử lý trực tuyến mức độ 3 với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm của tất cả các dịch vụ công được triển khai cung cấp trực tuyến mức độ 3)</i>	0.5	

	Từ 40% trở lên: 0.5 điểm		
	Từ 30% đến dưới 40%: 0.25 điểm		
	Từ 20% đến dưới 30%: 0.2 điểm		
	Dưới 20%: 0 điểm		
7.2.4	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4 (Tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được xử lý trực tuyến mức độ 4 với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm của tất cả các dịch vụ công được triển khai cung cấp trực tuyến mức độ 4)</i>	0.5	
	Từ 30% trở lên: 0.5 điểm		
	Từ 20% đến dưới 30%: 0.25 điểm		
	Từ 10% đến dưới 20%: 0.2 điểm		
	Dưới 10%: 0 điểm		
<b>7.3</b>	<b>Cung cấp thông tin trên Cổng (hoặc Trang) Thông tin điện tử</b>	<b>1</b>	
7.3.1	<i>Thông tin chỉ đạo, điều hành: ý kiến xử lý phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức cá nhân</i>	0.25	
	Có: 0.25 điểm		
	Không: 0 điểm		
7.3.2	<i>Thông tin về lãnh đạo của cơ quan (họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo trong đơn vị)</i>	0.25	
	Có: 0.25 điểm		
	Không: 0 điểm		
7.3.3	<i>Cập nhật thông tin hoạt động của đơn vị</i>	0.25	
	Có: 0.25 điểm		
	Không: 0 điểm		
7.3.4	<i>Cung cấp văn bản chỉ đạo điều hành của đơn vị</i>	0.25	
	Trên 80%: 0.25 điểm		
	Từ 60% đến dưới 80%: 0.1 điểm		
	Dưới 60%: 0 điểm		
<b>7.4</b>	<b>ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (ISO 9001) THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>3</b>	
7.4.1	<i>Cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị cấp xã thực hiện công bố ISO 9001 theo quy định</i>	1.5	
	100% số cơ quan, đơn vị: 1.5 điểm		
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0.5 điểm		
	Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0 điểm		
7.4.2	<i>Cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị cấp xã thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định</i>	1.5	
	100% số cơ quan, đơn vị: 1.5 điểm		
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0.5 điểm		
	Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0 điểm		
<b>8</b>	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>	<b>7.5</b>	
8.1	<b>Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị được thực hiện theo cơ chế một cửa</b>	<b>2</b>	
	100% trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	2	
	Từ 80% - dưới 100% trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1	
	Từ 70% - dưới 80% trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0.5	

	Dưới 70% trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0	
<b>8.2</b>	<b>Triển khai thực hiện các Quy chế phối hợp giải quyết liên thông TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hoặc chỉ đạo thực hiện</b>	<b>1.5</b>	
	Triển khai thực hiện kịp thời và có hiệu quả	1.5	
	Không triển khai thực hiện hoặc có triển khai nhưng thiếu hiệu quả	0	
<b>8.3</b>	<b>Việc tuân thủ nội dung thông tin TTHC khi tiếp nhận, giải quyết TTHC</b>	<b>2</b>	
	Tuân thủ đúng nội dung thông tin TTHC	2	
	Tuân thủ chưa đúng nội dung thông tin TTHC	0	
<b>8.4</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>	<b>2</b>	
8.4.1	Tỷ lệ % TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	<b>1</b>	
	100% số TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	
	Từ 90% đến dưới 100% số TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0.5	
	Dưới 90% số TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0	
8.4.2	Tỷ lệ % TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	<b>1</b>	
	100% số TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	
	Từ 90% đến dưới 100% số TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0.5	
	Dưới 90% số TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0	
<b>II</b>	<b>ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CCHC (ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC)</b>	<b>20</b>	
<b>III</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ do Thành ủy, UBND thành phố hoặc Thường trực UBND thành phố giao</b>	<b>20</b>	
	Hoàn thành kịp tiến độ 100% nhiệm vụ được giao	20	
	Hoàn thành kịp tiến độ từ 95% đến dưới 100% nhiệm vụ được giao	15	
	Hoàn thành kịp tiến độ từ 90% đến dưới 95% nhiệm vụ được giao	10	
	Hoàn thành kịp tiến độ từ 85% đến dưới 90% nhiệm vụ được giao	5	
	Hoàn thành kịp tiến độ từ 80% đến dưới 85% nhiệm vụ được giao	1	
	Hoàn thành kịp tiến độ dưới 80% nhiệm vụ được giao	0	
<b>TỔNG ĐIỂM (I + II+III)</b>		<b>100</b>	